TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST Ngày: 31-10-2017 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Ngọc Các

Ông Trần Văn Phơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 31/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/10/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị Bạch H**; cư trú tại: Số MBB đường HBT, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số BMH đường ĐBP, khóm M, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: **Ông Tăng Trịnh T**, cư trú tại: Số MBB đường HBT, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số H đường HV, KVH HNN, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2017 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bạch H tại phiên tòa thì bà H và ông Tăng Trịnh T đăng ký kết hôn ngày MK/MM/HKKS tại Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung là cháu Tăng Khải D (nam, sinh ngày 09/4/2007) và cháu Tăng Duy A (nam, sinh ngày 14/10/2009), nhưng không có tài sản chung và nợ chung.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2011 thì bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn và thiếu quan tâm, chăm sóc vợ

con; bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông vẫn không thay đổi, từ tháng 8/2017 thì ông bà không còn sống chung cho đến nay.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T và trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Tăng Khải D, Tăng Duy A; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà H đã nộp một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số NC/KKS, quyển số MB; hai bản sao có chứng thực Giấy khai sinh thể hiện bà H, ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày MK/MM/HKKS và ông bà có hai con chung là cháu Tăng Khải D (nam, sinh ngày 09/4/2007) và cháu Tăng Duy A (nam, sinh ngày 14/10/2009).

- Theo lời trình bày của ông Tăng Trịnh T tại phiên tòa thì ông T thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bạch H về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông T thừa nhận có lỗi do không lo làm ăn và thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con nhưng cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Tăng Khải D và cháu Tăng Duy A, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Theo kết quả xác minh nguyên nhân mâu thuẫn ngày 14/9/2017 của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Bạch Cúc thì bà Nguyễn Thị Bạch H và ông Tăng Trịnh T là em gái, em rễ của bà Cúc và nguyên nhân bà H, ông T phát sinh tranh chấp là do ông T không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con.

- Theo kết quả ghi nhận ý kiến ngày 14/9/2017 của Tòa án đối với các cháu cháu Tăng Khải D, Tăng Duy A thì các cháu có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Bạch H tại nhà số BMH đường ĐBP, khóm M, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, bà Nguyễn Thị Bạch H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Tăng Trịnh T và ông T hiện cư trú trên địa bàn thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Bà H và ông T xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày MK/MM/HKKS tại Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số

NC/KKS, quyển số MB nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[3] Theo sự thừa nhận của ông Tăng Trịnh T tại phiên tòa và và biên bản xác minh ngày 14/9/2017, đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Bạch H và ông T sau thời gian chung sống, đến khoảng năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn và thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con; từ tháng 8/2017 thì ông bà không còn sống chung cho đến nay. Đây là việc vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân của bà H, ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này để chấp nhận cho bà H ly hôn với ông T.

[4] Về con chung, bà H và ông T đều yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Tăng Khải D, Tăng Duy A và tự nguyện không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng bà H, ông T đều có việc làm với thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con; nhưng khi bà H, ông T không còn sống chung từ tháng 8/2017 đến nay thì cháu D, cháu A đã sống cùng với bà H tại nhà số BMH đường ĐBP, khóm M, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên cuộc sống cũng dần ổn định và yêu cầu nuôi con của bà H cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên Hội đồng xét xử giao các cháu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, do bà H tự nguyện không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà H tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Bà Nguyễn Thị Bạch H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch H:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Bạch H được ly hôn với ông Tăng Trịnh T.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao hai con chung là cháu Tăng Khải D (nam, sinh ngày 09/4/2007) và cháu Tăng Duy A (nam, sinh ngày 14/10/2009) cho bà Nguyễn Thị Bạch H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tăng Trịnh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tăng Trịnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Tăng Khải D và cháu Tăng Duy A theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bạch H tự khai không có nên không giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bạch H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0007823 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà Nguyễn Thị Bạch H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Bà Nguyễn Thị Bạch H, ông Tăng Trịnh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Cơ quan đã ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương